

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 121/2017/DS-ST

Ngày 05-12-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2017/TLST-DS ngày 03/8/2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ: Tháp B, đường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch Đ. (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2017) - Có mặt.

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị H (Đều vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Thành N, anh Nguyễn Thành M và anh Nguyễn Thành L (Đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/4/2015 Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cùng với vợ chồng ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2015/5494922/HĐ. Trong đó, Ngân hàng cho ông C – bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất cửa sắt, thời hạn duy trì hạn mức 11 tháng kể từ ngày 10/4/2015 đến 10/3/2016, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng trên ngày 10/4/2015 ông H đã rút 299.950.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên hộ gia đình ông C – bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng của 04 thửa đất:

1. Quyền sử dụng diện tích 250m² thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540822 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

2. Quyền sử dụng diện tích 990m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL640040 do UBND thành phố B cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/01/2008.

3. Quyền sử dụng diện tích 1850m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540821 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

4. Quyền sử dụng diện tích 3480m² thuộc đất thửa đất số 83, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540820 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C – bà H mới trả cho Ngân hàng được 4.150.000 đồng tiền lãi. Ngày 26/6/2017 Ngân hàng đã lập biên bản làm việc với bên vay về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nhưng bên vay không chấp nhận mà đề nghị để được tự xử lý. Sau khi khởi kiện, ngày 07/11/2017 bên vay trả thêm được 30.000.000 đồng, Ngân hàng trừ vào nợ gốc. Nay Ngân hàng xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông C – bà H: Rút 30.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ phạt quá hạn

lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu ông C và bà H phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến nay (05/12/2017) là: 269.950.000 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn 84.615.854 đồng và lãi quá hạn 27.654.120 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 05/12/2017 là 378.069.974 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với nhau từ 06/12/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp ông C và bà H không trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay. Ngân hàng không chấp nhận gia hạn nợ cho ông C – bà H nữa.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày: Ngày 10/4/2015 ông C và vợ là Nguyễn Thị H cùng với Ngân hàng thỏa ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/5494922/HĐ để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất cửa sắt, thời hạn duy trì hạn mức 11 tháng kể từ ngày 10/4/2015 đến 10/3/2016, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí cấp hạn mức 275.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, hộ gia đình ông C đã thế chấp cho Ngân hàng 04 thửa đất như Ngân hàng trình bày trên là đúng. Ngày 10/4/2015 ông C đã nhận 299.950.000 đồng tiền vay từ Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng ông C đã trả được 02 tháng lãi số tiền 4.150.000 đồng. Sau đó do làm ăn khó khăn nên gia đình ông C không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết với nhau thì ông C đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin Ngân hàng gia hạn cho vợ chồng ông C thêm một thời gian nữa.

Bị đơn bà H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc vợ chồng ông C – bà H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 269.950.000 đồng nợ gốc lãi trong hạn 84.615.854 đồng và lãi quá hạn: 27.654.120 đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 05/12/2017 là 378.069.974 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với nhau từ 06/12/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp ông C – bà H không trả

được nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T, Nguyễn Thành N, Nguyễn Thành M và anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án giao thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng cùng với vợ chồng ông Nguyễn Thành C – bà Nguyễn Thị H thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2015/5494922/HĐ. Trong đó Ngân hàng cho ông C – bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất cửa sắt, thời hạn duy trì hạn mức 11 tháng kể từ ngày 10/4/2015 đến 10/3/2016, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng trên ngày 10/4/2015 ông C – bà H đã nhận 299.950.000 đồng từ Ngân hàng, nhưng cho đến nay ông C – bà H mới trả cho Ngân hàng được 30.000.000 đồng tiền gốc và 4.150.000 đồng tiền lãi là ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với nhau, ngày 11/3/2016 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông C – bà H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 269.950.000 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn 804.615.854 đồng, lãi quá hạn 27.654.120 đồng; không tính phí phạt chậm trả lãi; tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 05/12/2017 là 378.069.974 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết từ ngày 06/12/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên chấp nhận.

[3] Xét hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC ngày 30/5/2013 đối với quyền sử dụng của 04 thửa đất:

1. Quyền sử dụng diện tích 250m² thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540822 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

2. Quyền sử dụng diện tích 990m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL640040 do UBND thành phố B cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/01/2008.

3. Quyền sử dụng diện tích 1850m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540821 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

4. Quyền sử dụng diện tích 3480m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540820 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997.

Việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật nên trường hợp ông C – bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét việc Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và toàn bộ tiền phạt quá hạn lãi; đây là sự tự nguyện của Ngân hàng nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C – bà H là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; buộc ông C – bà H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 269.950.000 đồng nợ gốc, 84.615.854 đồng lãi trong hạn và 27.654.120 đồng lãi quá hạn; tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 05/12/2017 là 378.069.974 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 06/12/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trường hợp ông C – bà H không trả được nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 378.069.974 đồng x 5% = 18.903.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí: 10.028.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 342, Điều 343; Điều 471, Điều 474; Điều 715, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, Điều 721 Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ: Điều 130 Luật đất đai 2003;

Căn cứ: Điều 56; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành C – bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng T: 269.950.000 đồng nợ gốc, 84.615.854 đồng lãi trong hạn và 27.654.120 đồng lãi quá hạn; tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 05/12/2017 là 378.069.974 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2015/5494922HĐ ngày 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 05/12/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông C – bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng diện tích 250m², thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540822 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997; Quyền sử dụng diện tích 990m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL640040 do UBND thành phố B cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/01/2008; Quyền sử dụng diện tích 1850m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 22 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540821 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997 và Quyền sử dụng diện tích 3480m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xã H, huyện C cũ) theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K540820 do UBND huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thành C ngày 31/7/1997 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Hộ ông Nguyễn Thành C được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ thế chấp.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền phạt quá hạn lãi của Ngân hàng T, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị H phải chịu: 18.903.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí: 10.028.000 đồng (Mười triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn) mà ông Phạm Minh T đã nộp thay Ngân hàng T theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000997 ngày 02/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư